TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1216**/2020/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1858/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Bà Lê Thị Ng,** sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Khu phố 5, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

2. **Ông Phạm Đăng D**, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Khu phố 02, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, bà Lê Thị Ng, ông Phạm Đăng D cùng nộp đơn "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung". Quá trình vận động hòa giải, bà Ng và ông D thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 21/8/2020. Bà Ng cư trú tại phường Tr, ông D cư trú tại phường T thuộc thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của bà Ng và ông D được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Lê Thị Ng, ông Phạm Đăng D chung sống với nhau tự nguyện, có

đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, quyển số 01/2003 ngày 19/6/2003. Bà Ng, ông D có hai con chung là Phạm Thị Bích Ng, sinh ngày 29/9/2004 và Phạm Thúy Tr, sinh ngày 04/01/2016. Bà Ng, ông D thỏa thuận giao hai con chung cho bà Ng nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con một lần 350.000.000đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Bà Ng, ông D tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung**.**

Trong quá trình chung sống, bà Ng và ông D thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà Ng, ông D xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung .

Xét thấy bà Ng, ông D thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của bà Ng, ông D đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà Ng, ông D.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Ng và ông Phạm Đăng D.

- Về con chung: Bà Ng, ông D có hai con chung là Phạm Thị Bích Ng, sinh ngày 29/9/2004 và Phạm Thúy Tr, sinh ngày 04/01/2016. Bà Ng, ông D thỏa thuận giao hai con chung cho bà Ng nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con giao một lần 350.000.000đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Ng, ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Ng, ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Ng, ông D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Ng và ông Phạm Đăng D mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0006509 ngày 10/7/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, bà Ng và ông D đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ